

Số: 5919662

|                                                | BMW 530i ALL NEW 2026                      | BMW 520i 2023                                    |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>3.189.000.000đ</b>                      | <b>1.979.000.000đ</b>                            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                            |                                                  |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 5,060 x 1,900 x 1,515                      | 4963 x 1868 x 1479                               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2,995                                      | 2975                                             |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5750                                       | 5600                                             |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 154                                        | 142                                              |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1700                                       | 1610                                             |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2340                                       | 2285                                             |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 520                                        | 530                                              |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 60                                         | 68                                               |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                          | 5                                                |
| Nguồn gốc                                      | Lắp ráp trong nước                         | Lắp ráp trong nước                               |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                            |                                                  |
| Loại động cơ                                   | I4 2.0L TwinPower Turbo, Mild Hydrید       | I4 2.0L TwinPower Turbo                          |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1.998                                      | 1.998                                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 190kW (258 HP) @ 4,700-6,500 rpm           | 135 kW (184 HP) @ 5000-6500 vòng/phút            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 400Nm @ 1,600-4,500rpm                     | 290 Nm @ 1350-3800 vòng/phút                     |
| Hộp số                                         | 8AT Steptronic                             | 8AT Steptronic                                   |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu sau (RWD)                              | Cầu sau (RWD)                                    |
| Hệ thống treo trước                            | Tay đòn kép với giảm chấn thích ứng        | Tay đòn kép                                      |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm với giảm chấn thích ứng   | Liên kết đa điểm                                 |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                        | Đĩa                                              |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                        | Đĩa                                              |
| Thông số lốp xe                                | 245/45 R 19                                | 245/40 R 19                                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7,7                                        | 7,7                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6,1                                        | 6,1                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | -                                          | -                                                |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | Có                                         | Có                                               |
| Chế độ lái                                     | Tùy chỉnh 03 chế độ lái thông qua My Modes | Tùy chỉnh 03 chế độ lái: Comfort, Eco Pro, Sport |
| Chế độ địa hình                                | -                                          | -                                                |
| Trang bị khác                                  | -                                          | -                                                |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                            |                                                  |
| Cụm đèn trước                                  | Adaptive LED                               | Adaptive LED                                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | Có                                         | Có                                               |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Có                                         | Có                                               |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | Có                                         | Có                                               |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Có                                         | Có                                               |
| Đèn ban ngày LED                               | Có                                         | Có                                               |
| Đèn sương mù                                   | -                                          | -                                                |
| Cụm đèn sau                                    | BMW LED                                    | BMW LED                                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Có                                         | Có                                               |

|                                            |                                         |                                                |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------|
| Gạt mưa tự động                            | Có                                      | Có                                             |
| Cửa sổ trời                                | Trần kính                               | -                                              |
| Trang bị khác                              | -                                       | -                                              |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                         |                                                |
| Vô lăng bọc da                             | Có                                      | ●                                              |
| Chất liệu ghế                              | Da Veganza                              | Da Sensatec                                    |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | -                                       | -                                              |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | Có                                      | Có                                             |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | Có                                      | Có                                             |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | -                                       | -                                              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | Có                                      | Có                                             |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | -                                       | -                                              |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | -                                       | Có                                             |
| Hàng ghế trước có tính năng massage        | -                                       | -                                              |
| Tính năng cửa hít                          | -                                       | -                                              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | Có                                      | Có                                             |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Màn hình đa thông tin 12.3-inch         | Màn hình đa thông tin 12.3-inch                |
| Màn hình HUD                               | -                                       | -                                              |
| Màn hình giải trí trung tâm                | Màn hình điều khiển trung tâm 14.9-inch | Màn hình điều khiển trung tâm 12.3-inch        |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | Có                                      | Có                                             |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 4                                       | 4                                              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | Có                                      | Có                                             |
| Chìa khóa thông minh                       | Có                                      | Có                                             |
| Khởi động nút bấm                          | Có                                      | Có                                             |
| Khởi động từ xa                            | Có                                      | ●                                              |
| Hệ thống âm thanh                          | Hệ thống loa Bowers & Wilkins, 18 loa   | Hệ thống âm thanh HiFi, 12 loa, công suất 205W |
| Lẫy chuyển số                              | Có                                      | Có                                             |
| Sạc không dây Qi                           | Có                                      | Có                                             |
| Phanh đỗ điện tử                           | Có                                      | Có                                             |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | Có                                      | Có                                             |
| Đèn trang trí nội thất                     | Có                                      | Có                                             |
| Rèm che nắng                               | Có                                      | -                                              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | Có                                      | Có                                             |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                                         |                                                |
| Số túi khí                                 | 6                                       | 6                                              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | Có                                      | Có                                             |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | Có                                      | Có                                             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | -                                       | -                                              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Có                                      | Có                                             |

|                                                 |    |        |
|-------------------------------------------------|----|--------|
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | -  | -      |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -  | -      |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | Có | -      |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | Có | -      |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | Có | Lùi xe |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | Có | Có     |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | Có | -      |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | Có | Có     |
| Camera lùi                                      | Có | Có     |